

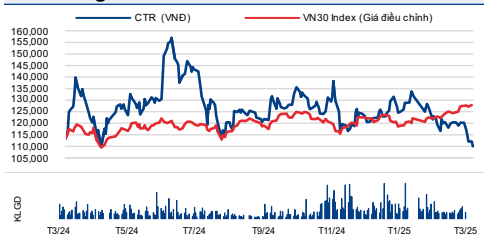
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VND138,000

Tiềm năng tăng/giảm: 25.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (18/3/2025)	110,000
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	109,877-156,884
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	111,400
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	12,582
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	493
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	45.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.61%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá


Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	12,613	14,475	16,440
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,032	1,232	1,564
LNTT (tỷ đồng)	672	738	845
LNT ĐC (tỷ đồng)	407	445	510
FCF (tỷ đồng)	339	(371)	11.1
EPS ĐC (đồng)	3,556	3,894	4,461
DPS (đồng)	1,000	1,200	1,500
BVPS (đồng)	16,282	18,976	21,937
T.trưởng EBITDA (%)	15.6	19.3	27.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	4.55	9.53	14.6
Tăng trưởng DPS (%)	(63.2)	20.0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.18	8.51	9.51
Tỷ suất LNTT (%)	5.33	5.09	5.14
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.27	4.08	4.11
Tỷ lệ LN trả CT (%)	28.1	30.8	33.6
Nợ thuần/VCSH (%)	61.8	81.5	80.4
ROAE (%)	28.0	29.3	28.9
ROACE (%)	29.5	28.7	28.2
EV/doanh thu (lần)	0.99	0.92	0.81
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.1	10.8	8.54
P/E ĐC (lần)	30.9	28.2	24.7
P/B (lần)	6.76	5.80	5.01
Lợi suất cổ tức (%)	0.91	1.09	1.36

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích
Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 2/2025: Tăng trưởng vững chắc, nhờ mảng cho thuê hạ tầng

- CTR công bố KQKD sơ bộ tháng 2/2025 với doanh thu và LNTT đạt lần lượt 866 tỷ đồng (tăng 3,8% so với cùng kỳ) và 49,2 tỷ đồng (tăng 10,3% so với cùng kỳ). Theo đó, doanh thu và LNTT 2 tháng đầu năm 2025 lần lượt đạt 1.762 tỷ đồng (tăng 3,4% so với cùng kỳ) và 99,7 tỷ đồng (tăng 5,6% so với cùng kỳ).
- KQKD tháng 2/2025 tăng trưởng vững chắc nhờ mảng cho thuê hạ tầng và kỳ nghỉ Tết đến sớm (vào tháng 1/2025 so với tháng 2/2024). Chúng tôi khuyến nghị tập trung vào mức tăng trưởng LNTT 6,0% trong 2 tháng đầu năm 2025, sát với dự báo của chúng tôi.
- Trong 2 tháng đầu năm 2025, CTR lắp đặt thêm 114 trạm BTS, nâng tổng số trạm BTS của Công ty lên 10.114 trạm vào cuối tháng 2/2025. Lưu ý, công tác lắp đặt các trạm BTS có xu hướng chậm lại trong quý 1 sau đó tăng tốc trong quý 2. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với CTR.

Sự kiện: Công bố KQKD sơ bộ 2 tháng đầu năm 2025d

CTR công bố KQKD tháng 2/2025 với đà tăng trưởng vững chắc của doanh thu thuần (tăng 3,8% so với cùng kỳ, so với mức tăng 3,1% so với cùng kỳ của tháng 1/2025) và lợi nhuận thuần (tăng 10,3% so với cùng kỳ so với mức tăng 1,4% so với cùng kỳ của tháng 1/2025), đa phần nhờ kỳ nghỉ Tết đến sớm (vào tháng 1/2025 so với tháng 2/2024). Tuy nhiên, nhằm giảm sự ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết, chúng tôi xem xét KQKD trong 2 tháng đầu năm 2025, với bức tranh toàn diện hơn khi doanh thu thuần và LNTT tăng 3,8% và 5,6% so với cùng kỳ. Kết quả trên sát với dự báo của HSC, hoàn thành lần lượt 12,2% và 13,5% dự báo doanh thu và LNTT cho cả năm 2025 của chúng tôi.

Mảng cho thuê hạ tầng tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng doanh thu

Trong tháng 2/2025, doanh thu thuần đạt 866 tỷ đồng, tăng 3,8% so với cùng kỳ. Trong đó, hầu hết các phân khúc kinh doanh đều ghi nhận doanh thu tăng trưởng khiêm tốn trong khoảng 1-3% so với cùng kỳ, ngoại trừ mảng cho thuê hạ tầng ghi nhận doanh thu tăng 51,5% so với cùng kỳ đạt 66,2 tỷ đồng. Với kết quả trên, doanh thu trong 2 tháng đầu năm đạt 1.762 tỷ đồng, tăng 3,4% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu mảng cho thuê hạ tầng tăng mạnh 47,3% so với cùng kỳ đạt 129,8 tỷ đồng.

Trong tháng 2/2025, CTR lắp đặt thêm 67 trạm BTS mới, nâng tổng số trạm BTS lên 10.114 trạm vào cuối tháng này. Lưu ý, công tác lắp đặt các trạm BTS có xu hướng chậm lại trong quý 1 sau đó tăng tốc trong quý 2. Tính đến cuối tháng 2, có 340 trạm BTS có hơn một khách thuê. Tỷ lệ dùng chung trạm ở mức 1,03 lần, không đổi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 19/3.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD sơ bộ T2/2025 và 2 tháng đầu năm 2025, CTR

Tỷ đồng	T2/25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	2T25	So với cùng kỳ	Dự báo 2025-HSC	% hoàn thành
Doanh thu	866	3.8%	-3.4%	1,762	3.4%	14,475	12.2%
LNTT	49	10.3%	-2.6%	100	5.6%	738	13.5%
Tỷ suất LNTT (%)	5.7%	+0.4ppts	+0.1ppts	5.7%	+0.2ppts	5.1%	

Ghi chú: ppts: điểm phần trăm
Nguồn: CTR, HSC

Đối với các phân khúc kinh doanh khác, doanh thu hoạt động đi ngang ở mức 455 tỷ đồng trong tháng 2/2025 mặc dù doanh thu 2 tháng có tăng nhẹ 1,0% so với cùng kỳ đạt 912 tỷ đồng. Ở giai đoạn này, CTR đang đẩy mạnh hoạt động R&D nhằm ứng dụng công nghệ AI vào công tác vận hành và bảo trì (O&M) từ năm 2025, tập trung vào 3 nhóm ứng dụng chính: Ứng dụng AI trong việc quản lý chất lượng tủ điện và hộp cáp; AI trong quản lý tồn kho linh kiện và phát triển AI Callbot.

Doanh thu mảng xây dựng tháng 2 và 2 tháng đầu năm tăng 3,0% và 2,0% so với cùng kỳ, đạt lần lượt 235 tỷ đồng và 499 tỷ đồng. Doanh thu mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm tăng lần lượt 4,0% và 3,0% so với cùng kỳ đạt 108 tỷ đồng và 219 tỷ đồng.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC giữ nguyên dự báo cho năm 2025 với lợi nhuận thuần đạt 590 tỷ đồng (tăng trưởng 10%) và EBITDA đạt 1.202 tỷ đồng (tăng trưởng 20%).

Giá cổ phiếu CTR giảm do tác động tâm lý chung của thị trường liên quan đến ngành công nghệ tại Mỹ trong thời gian gần đây. Ngoài ra, thị trường đang lo ngại về mức độ cạnh tranh trong mảng kinh doanh towerco ngày càng tăng. Chúng tôi cho rằng mô hình kinh tế chia sẻ trong hạ tầng viễn thông sẽ trở thành xu hướng chính trong thời gian tới. CTR được dự báo sẽ hưởng lợi từ xu hướng này khi tỷ lệ dùng chung trạm cải thiện trong dài hạn, đặc biệt trong bối cảnh ứng dụng mạng 5G. Do đó, chúng tôi dự báo việc thương mại hóa mạng 5G tại Việt Nam (Viettel tiên phong khai trương mạng 5G ngày 15/10/2024) sẽ thúc đẩy nhu cầu trạm BTS 5G mới và chia sẻ hạ tầng và CTR đang có vị thế tốt để trở thành đơn vị hưởng lợi chính với tư cách là một towerco hàng đầu tại Việt Nam.

Sau khi giá cổ phiếu giảm 10% trong 1 tháng qua, CTR đang giao dịch với EV/EBITDA trượt dự phóng 1 năm là 10,3 lần, thấp hơn bình quân từ năm 2021 ở mức 11,1 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị/giá mục tiêu đối với CTR.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo mảng kinh doanh T2/2025 và 2 tháng đầu năm 2025, CTR

Doanh thu hầu hết các mảng kinh doanh đều tăng trưởng khiêm tốn, ngoại trừ mảng cho thuê hạ tầng viễn thông

Tỷ đồng	T2/24	T2/25	So với cùng kỳ	2T24	2T25	So với cùng kỳ	Tỷ trọng 2T2024	Tỷ trọng 2T2025
Doanh thu thuần	834	866	3.8%	1,703	1,762	3.4%	100.0%	100.0%
Vận hành	455	455	0.1%	905	912	0.7%	53.1%	51.7%
Xây dựng	229	235	2.8%	490	499	1.8%	28.8%	28.3%
Giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật	104	108	3.9%	213	219	2.8%	12.5%	12.4%
Cho thuê	44	66	51.5%	88	130	47.3%	5.2%	7.4%

Nguồn: CTR, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)						Báo cáo LCTT (tỷ đồng)					
	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F		12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	11,299	12,613	14,475	16,440	18,418	EBIT	635	713	786	908	1,045
Lợi nhuận gộp	886	883	1,081	1,243	1,420	Khấu hao	(258)	(319)	(445)	(656)	(768)
Chi phí BH&QL	(249)	(167)	(290)	(329)	(368)	Lãi vay thuần	10.7	(41.5)	(48.7)	(62.7)	(70.0)
Thu nhập khác	2.82	4.19	0	0	0	Thuế TNDN đã nộp	(57.7)	(116)	(148)	(169)	(195)
Chi phí khác	(4.96)	(6.71)	(5.79)	(6.58)	(7.37)	Thay đổi vốn lưu động	(200)	458	(194)	(248)	(223)
EBIT	635	713	786	908	1,045	Khác	127	(129)	113	(252)	(272)
Lãi vay thuần	10.7	(41.5)	(48.7)	(62.7)	(70.0)	LCT thuần từ HKKD	575	1,136	949	831	1,048
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0	Đầu tư TS dài hạn	(483)	(796)	(1,320)	(820)	(708)
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	Góp vốn & đầu tư	(1,549)	(1,651)	0	0	0
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-	Thanh lý	0	2.07	0	0	0
LNTT	645	672	738	845	975	Khác	1,874	1,851	(2.23)	(2.36)	(2.37)
Chi phí thuế TNDN	(129)	(133)	(148)	(169)	(195)	LCT thuần từ HĐĐT	(159)	(594)	(1,322)	(822)	(710)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0	Cổ tức trả cho CSH	(120)	(525)	(137)	(172)	(229)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-	Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	517	539	590	676	780	Tăng/giảm nợ	108	51.4	381	227	(187)
Lợi nhuận thuần ĐC	389	407	445	510	589	Khác	0	0	(15.3)	0	0
EBITDA ĐC	893	1,032	1,232	1,564	1,812	LCT thuần từ HĐTC	(11.8)	(474)	229	55.9	(416)
EPS (đồng)	3,401	3,556	3,894	4,461	5,147	Tiền & tương đương tiền đầu kì	414	819	888	743	808
EPS ĐC (đồng)	3,401	3,556	3,894	4,461	5,147	LCT thuần trong kỳ	404	67.6	(145)	64.6	(79.1)
DPS (đồng)	2,720	1,000	1,200	1,500	2,000	Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114	Tiền & tương đương tiền cuối kì	818	886	743	808	728
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114	Dòng tiền tự do	91.1	339	(371)	11.1	340
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114						
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)						Các chỉ số tài chính					
	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F		12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	818	888	743	808	728	Chỉ số hoạt động					
Đầu tư ngắn hạn	1,000	854	579	658	737	Tỷ suất LN gộp (%)	7.84	7.00	7.47	7.56	7.71
Phải thu khách hàng	2,945	2,905	3,257	3,617	3,960	Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.90	8.18	8.51	9.51	9.84
Hàng tồn kho	783	602	651	723	792	Tỷ suất LNT (%)	4.57	4.27	4.08	4.11	4.23
Các tài sản ngắn hạn khác	81.1	139	123	132	138	Thuế TNDN hiện hành (%)	20.0	19.8	20.0	20.0	20.0
Tổng tài sản ngắn hạn	5,627	5,387	5,353	5,937	6,355	Tăng trưởng doanh thu (%)	19.4	11.6	14.8	13.6	12.0
TSCĐ hữu hình	285	191	100	7.15	(88.8)	Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	15.4	15.6	19.3	27.0	15.9
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0	Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(0.29)	4.55	9.53	14.6	15.4
Bất động sản đầu tư	829	1,223	2,188	2,445	2,481	Tăng trưởng EPS (%)	(0.29)	4.55	9.53	14.6	15.4
Đầu tư dài hạn	152	252	252	252	252	Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(0.29)	4.55	9.53	14.6	15.4
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0	Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(63.2)	20.0	25.0	33.3
Tài sản dài hạn khác	35.7	15.1	17.4	19.7	22.1	Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	80.0	28.1	30.8	33.6	38.9
Tổng tài sản dài hạn	1,302	1,680	2,557	2,723	2,666	Chỉ số lợi nhuận					
Tổng cộng tài sản	6,929	7,067	7,910	8,660	9,021	ROAE (%)	28.5	28.0	29.3	28.9	29.0
Nợ ngắn hạn	1,191	1,052	1,158	1,315	1,105	ROACE (%)	29.5	29.5	28.7	28.2	28.9
Phả trả người bán	594	610	724	822	921	Vòng quay tài sản (lần)	1.74	1.80	1.93	1.98	2.08
Nợ ngắn hạn khác	1,926	2,349	2,311	2,311	2,311	Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.91	1.59	1.21	0.92	1.00
Tổng nợ ngắn hạn	4,541	4,617	4,891	5,232	5,210	Số ngày tồn kho	27.5	18.7	17.8	17.4	17.0
Nợ dài hạn	383	573	848	919	941	Số ngày phải thu	103	90.4	88.8	86.9	85.0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0	Số ngày phải trả	20.8	19.0	19.7	19.7	19.8
Nợ dài hạn khác	14.7	15.3	0	0	0	Cơ cấu vốn					
Tổng nợ dài hạn	398	588	848	919	941	Nợ thuần*/VCSH (%)	71.2	61.8	81.5	80.4	69.7
Tổng nợ phải trả	4,938	5,205	5,740	6,151	6,152	Nợ/tài sản (%)	32.2	28.8	31.8	32.6	30.2
Vốn chủ sở hữu	1,991	1,862	2,171	2,509	2,869	EBIT/lãi vay (lần)	N/a	17.2	16.2	14.5	14.9
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0	Nợ/EBITDA (lần)	2.50	1.97	2.04	1.81	1.51
Tổng vốn chủ sở hữu	1,991	1,862	2,171	2,509	2,869	Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.17	1.09	1.13	1.22
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,929	7,067	7,910	8,660	9,021	Định giá					
BVPS (đ)	17,404	16,282	18,976	21,937	25,084	EV/doanh thu (lần)	1.09	0.99	0.92	0.81	0.71
Nợ thuần*/(tiền mặt)	756	737	1,263	1,426	1,318	EV/EBITDA ĐC (lần)	13.8	12.1	10.8	8.54	7.26
						P/E (lần)	32.3	30.9	28.2	24.7	21.4
						P/E ĐC (lần)	32.3	30.9	28.2	24.7	21.4
						P/B (lần)	6.32	6.76	5.80	5.01	4.39
						Lợi suất cổ tức (%)	2.47	0.91	1.09	1.36	1.82

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn